SỞ GD-ĐT TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 334/HD-THPTBĐ

Bù Đăng, ngày 26 tháng 9 năm 2025

HƯỚNG DẪN
THU, MIỄN GIẢM CÁC CÁC KHOẢN NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghi quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 20/6/2025 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước từ năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1370/SGDĐT-KHTC ngày 04/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 20/6/2025 của HĐND tỉnh Bình Phước;

Căn cứ hướng dẫn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/09/2025 về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện Hướng dẫn số 1434/SGDĐT-KHTC ngày 08/09/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc hướng dẫn các khoản thu, công tác quản lý thu, chi và chế độ học sinh trong các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập năm học 2025-2026; Hướng dẫn số 1722/SGDĐT-KHTC ngày 17/09/2025 về việc triển khai Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ và văn bản số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12/9/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hướng dẫn số 15/BHXH-QLTST ngày 17/7/2025 của Bảo hiểm xã hội Bù Đăng về việc Hướng dẫn thu BHYT học sinh năm học 2025-2026; Nghị quyết số 331/NQ-CMHS ngày 20/09/2025 của Ban Đại diện CMHS trường THPT Bù Đăng năm học 2025 – 2026. Trường THPT Bù Đăng hướng dẫn các khoản thu và các chế độ miễn, giảm, hưởng chế độ và thủ tục cụ thể như sau:

I. Các khoản thu năm học 2025-2026

1. Khoản thu BHYT học sinh: (Theo Hướng dẫn số 15/BHXH-QLTST ngày 17/7/2025 của Bảo hiểm xã hội Bù Đăng).

52.650 đồng/tháng/HS x 12 tháng = 631.800 đồng/học sinh.

2. Khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp: (Theo Nghị quyết số 08/2025/NQHĐND ngày 20/6/2025 của HĐND tỉnh Bình Phước và Công văn số 1370/SGDĐT-KHTC ngày 04/9/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai).

38.000 đồng/tháng/HS x 9 tháng = 342.000 đồng/học sinh.

II. Miễn giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; hỗ trợ tiền ăn, nhà ở, gạo; miễn, giảm khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

1. Miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập: (Thực hiện theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ)

1.1. Đối tượng được miễn học phí

Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học sinh theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học sinh theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc đối tượng được miễn học phí.

1.2. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

- Học sinh phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

- Học sinh phổ thông là người khuyết tật.

- Học sinh phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Học sinh phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn khác theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo không có cơ sở giáo dục..

1.3. Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ chi phí học tập

1. Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (Theo mẫu).

2. Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ của UBND xã. (Bản sao chứng thực)

3. Giấy xác nhận khuyết tật hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội do UBND cấp xã cấp. (Bản sao chứng thực)

4. Giấy xác nhận hộ nghèo do UBND xã cấp cho đối tượng. (Bản sao chứng thực)

5. Người học thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập. Riêng đối với người học thuộc diện hộ nghèo thì vào mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo để làm căn cứ xem xét hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

2. Học sinh nhận hỗ trợ tiền ăn, nhà ở, gạo (Theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP)

2.1. Đối tượng: Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn.

b. Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn.

c. Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng là 936.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

b) Hỗ trợ tiền nhà ở: Mỗi học sinh bán trú phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí chỗ ở trong trường, học sinh khuyết tật có nhu cầu tự túc chỗ ở gần trường để người thân chăm sóc thì mỗi tháng được hỗ trợ 360.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học;

c) Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

2.3. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách hỗ trợ

a) Đối với học sinh là người dân tộc thiểu số, hồ sơ gồm

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu);

- Giấy xác nhận nơi cư trú.

- Giấy xác nhận nơi trọ (có xác nhận của UBND xã) hoặc giấy xác nhận tạm trú do công an cấp (để hỗ trợ nhà trọ).

b) Đối với học sinh là người dân tộc Kinh, hồ sơ gồm

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu);

- Giấy xác nhận nơi cư trú;

- Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo do UBND xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng.

- Giấy xác nhận nơi trọ (có xác nhận của UBND xã) hoặc giấy xác nhân tạm trú do công an cấp (để hỗ trợ nhà trọ).

c) Đối với học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo thường trú tại khu vực I,II, hồ sơ gồm

- Đơn đề nghị hỗ trợ (theo mẫu);

- Giấy xác nhận nơi cư trú;

- Giấy tờ chứng minh là hộ nghèo do UBND xã cấp hoặc xác nhận cho đối tượng.

- Giấy xác nhận nơi trọ (có xác nhận của UBND xã) hoặc giấy xác nhân tạm trú do công an cấp (để hỗ trợ nhà trọ).

3. Hỗ trợ học tập đối với học sinh phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người (Theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ)

Đối tượng: 16 dân tộc thiểu số rất ít người sau: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ.

4. Miễn, giảm khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp (Theo NQ 08/2025/NQ-HĐND tỉnh Bình Phước)

4.1. Miễn khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

Đối tượng: Học sinh có cha mẹ thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; bị tàn tật, khuyết tật; mồ côi cả cha lẫn mẹ; người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

4.2. Giảm 50% khoản thu phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

Đối tượng: Con của gia đình hộ cận nghèo, con gia đình kinh tế rất khó khăn, con mồ côi cha hoặc mẹ gặp khó khăn về kinh tế.

4.3. Hồ sơ miễn, giảm gồm

- Đơn đề nghị miễn, giảm các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (theo mẫu).

- Các giấy tờ, hồ sơ minh chứng đối tượng miễn, giảm các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động (Bản sao chứng thực).

- Giấy xác nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã cấp cho đối tượng.

5. Thời gian nộp hồ sơ

Học sinh thuộc đối tượng được miễn giảm làm đơn (theo mẫu gửi trên nhóm GVCN) hoặc liên hệ bộ phận kế toán để được hướng dẫn cụ thể và tiến hành làm hồ sơ theo đúng quy định. Hạn nộp hồ sơ từ ngày ra thông báo **đến hết ngày 03/10/2025.**

Để đảm bảo quyền lợi, chính sách của học sinh đề nghị GVCN rà soát đối tượng học sinh trong lớp thuộc đối tượng được miễn, giảm theo quy định trên và yêu cầu học sinh tiến hành làm hồ sơ theo đúng thời gian quy định. Nếu quá thời hạn trên, nhà trường không nhận được hồ sơ của học sinh thì xem như lớp đó không có học sinh thuộc đối tượng có chính sách miễn, giảm theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện thu, miễn, giảm các khoản tại trường THPT Bù Đăng năm học 2025 – 2026.

Nơi nhận:
- BGH, Tổ trưởng;
- GVCN các lớp;
- CMHS;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÙ ĐĂNG

ThS. Huỳnh Văn Thông